



BẢN TIN THUẾ Số 1315 (Từ 06/04 – 11/04/2015)	Nội dung	Trang
	VĂN BẢN PHÁP LÝ VỀ THUẾ	1
	VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý	2



VĂN BẢN PHÁP LÝ VỀ THUẾ

Công văn 1069/TCT-KK Ngày 27/03/2015	Hướng dẫn về kê khai, nộp thuế GTGT.
Công văn 1070/TCT-KK Ngày 27/03/2015	Hướng dẫn về khấu trừ thuế GTGT của doanh nghiệp bị thiệt hại.
Công văn 1101/TCT-TTr Ngày 31/03/2015	Hướng dẫn về Xử lý vướng mắc sau thanh tra của Thanh tra Chính phủ.
Công văn 1102/TCT-DNL Ngày 31/03/2015	Hướng dẫn về hoàn thuế GTGT.
Công văn 1103/TCT-QLN Ngày 31/03/2015	Hướng dẫn về gia hạn nợ thuế.
Công văn 1105/TCT-CS Ngày 31/03/2015	Hướng dẫn về Chính sách thuế TNDN.
Công văn 1147/TCT-CS Ngày 02/04/2015	Hướng dẫn về chính sách thuế.
Công văn 1148/TCT-CS Ngày 02/04/2015	Hướng dẫn về thuế GTGT.
Công văn 1149/TCT-CS Ngày 02/04/2015	Hướng dẫn Chính sách thuế TNDN.
Công văn 1150/TCT-CS Ngày 02/04/2015	Hướng dẫn chuyển hồ sơ.
Công văn 1159/TCT-CS Ngày 03/04/2015	Hướng dẫn về thuế GTGT.
Công văn 1175/TCT-KK Ngày 03/04/2015	Hướng dẫn về hoàn thuế GTGT.
Công văn 1109/TCT-CS Ngày 31/03/2015	Hướng dẫn về chính sách thuế của nhà thầu.
Công văn 1111/TCT-CS Ngày 31/03/2015	Hướng dẫn về thuế GTGT.
Công văn 1112/TCT-CS Ngày 31/03/2015	Giải đáp vướng mắc về chính sách thu lệ phí trước bạ.
Công văn 1185/TCT-TNCN Ngày 03/04/2015	Hướng dẫn về chính sách thuế đối với cá nhân kinh doanh.



Công văn 1192/TCT-KK

Ngày 03/04/2015

Công văn 1213/TCT-CS

Ngày 06/04/2015

Hướng dẫn về hoàn thuế GTGT.

Hướng dẫn về chính sách thuế GTGT.



VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý

Hướng dẫn về kê khai, nộp thuế GTGT.

Công văn 1103/TCT-QLN

Ngày 31/03/2015

Hướng dẫn về chính sách thuế TNDN.

Công văn 1149/TCT-CS

Ngày 02/04/2015

Hướng dẫn về hoàn thuế GTGT.

Công văn 1192/TCT-KK

Ngày 03/04/2015

Công văn này hướng dẫn về gia hạn nợ thuế. Theo đó, từ 01/01/2015, người nộp thuế cung ứng hàng hóa, dịch vụ được thanh toán bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước nhưng chưa được đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước thanh toán nên không nộp thuế kịp thời dẫn đến nợ thuế thì không phải nộp tiền chậm nộp tiền thuế. Đối với các trường hợp gia hạn nộp thuế theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 Thông tư 156/2013/TT-BTC, cơ quan thuế đã ban hành quyết định gia hạn nộp thuế trước ngày 01/01/2015 thì được tiếp tục thực hiện đến khi hết hiệu lực của quyết định.

Công văn này hướng dẫn về Chính sách thuế TNDN. Theo đó, trường hợp doanh nghiệp thành lập mới nhưng tài sản, địa điểm kinh doanh, ngành nghề kinh doanh vẫn kế thừa của doanh nghiệp cũ để tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh thì doanh nghiệp thành lập mới không được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo diện cơ sở kinh doanh thành lập mới từ dự án đầu tư mà kế thừa ưu đãi thuế TNDN của doanh nghiệp cũ đang được hưởng cho khoảng thời gian còn lại nếu vẫn đáp ứng các điều kiện ưu đãi theo quy định của pháp luật thuế TNDN.

Công văn này hướng dẫn về hoàn thuế GTGT. Theo đó, trường hợp Công ty ký hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty A để xây dựng, kinh doanh khách sạn trong đó Công ty là bên nhận góp vốn, Công ty A là bên góp vốn thì thuộc trường hợp không phải kê khai, nộp thuế, bên nhận vốn góp được kê khai khấu trừ thuế GTGT ghi trên hóa đơn mua tài sản của bên góp vốn; Tuy nhiên Công ty A đã phát hành hoá đơn cho Công ty tương ứng với phần giá trị của toà nhà sau khi đã hoàn thành đầu tư xây dựng, trang bị thiết bị, nội thất để Công ty làm các thủ tục sở hữu toà nhà và hạch toán tăng tài sản cố định. Hai bên thống nhất lập biên bản bù trừ số tiền này với số tiền mà Công ty A góp vốn hợp tác vào Công ty, Công ty được phân chia kết quả kinh doanh bằng doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ thì Cục Thuế kiểm tra, giải quyết khấu trừ, hoàn thuế GTGT theo quy định cho Công ty đối với dự án đầu tư khách sạn, nếu:

- Việc hợp đồng hợp tác kinh doanh của Công ty và Công ty A theo đúng quy định của pháp luật;
- Công ty A kê khai, nộp thuế theo đúng quy định đối với các hoá đơn đầu ra xuất cho Công ty Caric và việc cân trừ công nợ giữa hai bên có biên bản đối chiếu số liệu và xác nhận giữa hai bên về việc thanh toán bù trừ công nợ.



Hướng dẫn về kê khai, nộp thuế GTGT.

Công văn 1069/TCT-KK
Ngày 27/03/2015

Công văn này hướng dẫn về kê khai, nộp thuế GTGT. Theo đó:

- Trường hợp NNT có đơn vị trực thuộc kinh doanh ở địa phương cấp tỉnh khác nơi NNT có trụ sở chính thì đơn vị trực thuộc nộp hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp của đơn vị trực thuộc; nếu đơn vị trực thuộc không trực tiếp bán hàng, không phát sinh doanh thu thì thực hiện khai thuế tập trung tại trụ sở chính của người nộp thuế.

- Trường hợp NNT kê khai, nộp thuế theo phương pháp khấu trừ có cơ sở sản xuất trực thuộc (bao gồm cả cơ sở gia công, lắp ráp) không trực tiếp bán hàng, không phát sinh doanh thu đóng trên địa bàn cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác với tỉnh, thành phố nơi đóng trụ sở chính thì:

+ Nếu cơ sở sản xuất trực thuộc có hạch toán kế toán thì phải đăng ký nộp thuế theo phương pháp khấu trừ tại địa phương nơi sản xuất, khi điều chuyển bán thành phẩm hoặc thành phẩm, kể cả xuất cho trụ sở chính phải sử dụng hóa đơn giá trị gia tăng làm căn cứ kê khai, nộp thuế tại địa phương nơi sản xuất.

+ Nếu cơ sở sản xuất trực thuộc không thực hiện hạch toán kế toán thì NNT thực hiện khai thuế tại trụ sở chính và nộp thuế cho các địa phương nơi có cơ sở sản xuất trực thuộc. Số thuế giá trị gia tăng phải nộp cho các địa phương nơi có cơ sở sản xuất trực thuộc được xác định theo tỷ lệ 2% (đối với hàng hóa chịu thuế suất thuế GTGT 10%) hoặc theo tỷ lệ 1% (đối với hàng hóa chịu thuế suất thuế GTGT 5%) trên doanh thu theo giá chưa có thuế GTGT của sản phẩm sản xuất ra. Việc xác định doanh thu của sản phẩm sản xuất ra được xác định trên cơ sở giá thành sản phẩm hoặc doanh thu của sản phẩm cùng loại tại địa phương nơi có cơ sở sản xuất.”